|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Số: /2019/TT-BGDĐT | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**DỰ THẢO**

**(ngày 29.7.2019)**

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Ban Tuyên giáo TƯ;  - UBVHGDTNTNNĐ của QH;  - Cục KTrVBQPPL (Bộ Tư pháp);  - Bộ trưởng (để báo cáo);  - Như Điều 3;  - Công báo;  - Cổng TTĐT Chính phủ;  - Cổng TTĐT Bộ GDĐT;  - Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL, Vụ GDMN. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BGDĐT*

*ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình kiên cố* là các công trình/nhà có ba kết cấu chính đều được làm bằng vật liệu bền chắc: (1) Phần kết cấu chịu lực chính làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, gạch/đá, sắt/thép/gỗ bền chắc; (2) Mái làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, tôn, ngói (xi măng, đất nung); (3) Tường bao che làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, gạch/đá, gỗ/kim loại. Công trình có niên hạn sử dụng trên 20 năm.

2. *Công trình bán kiên cố* là các công trình/nhà có hai trong ba kết cấu chính đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó phần kết cấu chịu lực chính là bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều này. Công trình có niên hạn sử dụng dưới 20 năm.

3. *Công trình tạm* là công trình đơn sơ, được làm bằng các vật liệu dễ hỏng như tranh, tre, nứa, lá hoặc tương tự.

4. *Tỷ lệ công trình* là tỷ lệ giữa tổng diện tích sàn xây dựng của loại công trình (kiên cố, bán kiên cố, tạm) và tổng diện tích sàn xây dựng các công trình.

5. *Cấp công trình* là phân cấp công trình xây dựng theo quy mô kết cấu tại các quy định hiện hành.

6. *Diện tích sàn xây dựng* là diện tích sàn tính theo kích thước thông thủy (chưa tính đến diện tích hành lang, cầu thang, sảnh, ban công, chân tường, cột, hộp kỹ thuật).

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất**

Tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục quy định tại Thông tư này được sử dụng làm căn cứ để:

1. Xác định tiêu chuẩn tối thiểu về cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình giáo dục.

2. Xác định mức độ đạt chuẩn cơ sở vật chất để kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia các cơ sở giáo dục.

3. Thực hiện rà soát, sắp xếp và phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục.

4. Xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017của Chính phủ (áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập).

**Điều 4. Diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp thuộc cơ sở giáo dục**

1. Diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp là diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trong các cơ sở giáo dục, bao gồm: Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và phục vụ giáo dục trẻ em; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt.

2. Diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp của cơ sở giáo dục xác định trên cơ sở định mức diện tích, quy mô trường lớp, học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên và theo định hướng phát triển của cơ sở giáo dục để đạt các mức độ chuẩn cơ sở vật chất trong từng giai đoạn.

**Chương II**

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG MẦM NON**

**Điều 5. Địa điểm, quy mô, diện tích**

1. Yêu cầu vị trí đặt trường, điểm trường:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương;

b) Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, cán bộ, giáo viên và nhân viên;

c) Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.

2. Quy mô

a) Trường mầm non có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp và tối đa 20 nhóm, lớp;

b) Căn cứ điều kiện các địa phương, có thể bố trí các điểm trường ở những địa bàn khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ đến trường. Bố trí không quá 05 điểm trường.

3. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường được xác định trên cơ sở số nhóm, lớp, số trẻ em và đặc điểm vùng miền với bình quân tối thiểu 12m2 cho một học sinh đối với khu vực đồng bằng, trung du; 8m2 cho một học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã và miền núi.

4. Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình:

a) Khối phòng hành chính quản trị được thực hiện theo các quy định hiện hành;

b) Các khối: phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và phục vụ trẻ; phòng tổ chức ăn; phụ trợ được quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

5. Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và phục vụ trẻ cao không quá 03 tầng; bảo đảm điều kiện cho trẻ khuyết tật tiếp cận sử dụng.

**Điều 6. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu**

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

b) Phòng Phó Hiệu trưởng: đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

c) Văn phòng trường: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

d) Phòng dành cho nhân viên: bảo đảm có 01 phòng; có tủ để đồ dùng cá nhân;

đ) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt;

g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và phục vụ giáo dục trẻ

a) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Bảo đảm mỗi nhóm, lớp có một khối phòng, bao gồm:

- Khu sinh hoạt chung: tổ chức các hoạt động học, chơi và ăn;

- Khu ngủ: đối với nhóm, lớp mẫu giáo có thể sử dụng chung với khu sinh hoạt chung;

- Khu vệ sinh: xây dựng khép kín với khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, trường hợp xây dựng riêng biệt phải liên hệ với khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ bằng hành lang giao thông, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát. Đối với trẻ mẫu giáo cần bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; có vách ngăn cao 1,20 m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, bố trí từ 02 đến 03 tiểu treo dùng cho trẻ em trai (hoặc máng tiểu có chiều dài tối thiểu 02m) và từ 02 đến 03 xí bệt dùng cho trẻ em gái; khu vực rửa tay của trẻ được bố trí riêng với tiêu chuẩn từ 08 trẻ/chậu rửa. Trang bị các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi;

- Hiên chơi, đón trẻ: thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi cần có lan can với chiều cao không nhỏ hơn 01m;

b) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: liên hệ với khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bằng hành lang giao thông. Đối với trường có quy mô đến 14 nhóm, lớp, bảo đảm tối thiểu có 01 phòng sử dụng chung cho giáo dục thể chất và nghệ thuật (phòng đa chức năng); đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng giáo dục thể chất. Điểm trường có quy mô từ 05 nhóm, lớp trở lên, bố trí 01 phòng đa chức năng;

c) Sân chơi riêng: lắp đặt các thiết bị đồ chơi ngoài trời theo quy định và theo độ tuổi.

3. Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn)

a) Nhà bếp: độc lập với khối phòng nuôi dưỡng trẻ và sân chơi; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều;

b) Kho thực phẩm: phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

b) Phòng Y tế: bảo đảm có 01 phòng; vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

c) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

d) Sân vườn: gồm sân chơi chung và vườn cây, bãi cỏ; được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời. Sân bằng phẳng, không trơn trượt, mấp mô, có cây xanh tạo bóng mát sân trường;

đ) Cổng, hàng rào: khuôn viên của tr­ường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tư­ờng xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn; cổng tr­ường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

5. Hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại, kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; ở cuối hướng gió, có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.

6. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được xây dựng kiên cố, bán kiên cố hoặc tạm thời. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 50%; công trình bán kiên cố không dưới 40% và công trình tạm không quá 10%.

7. Thiết bị dạy học được trang bị bảo đảm tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 7. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1**

Các trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 bảo đảm các quy định tại Điều 6 và các quy định sau:

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

b) Phòng hành chính quản trị: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và phục vụ giáo dục trẻ

a) Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: đối với trường có quy mô đến 14 nhóm, lớp, có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng giáo dục thể chất; đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng đa chức năng;

b) Sân chơi riêng: được bố trí theo từng nhóm, lớp.

3. Khối phụ trợ: Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ cây cối và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.

4. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 70%; bán kiên cố không quá 30% và không có công trình tạm.

5. Mỗi điểm trường (nếu có) không ít hơn 02 nhóm/lớp.

6. Mật độ sử dụng đất:

- Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;

- Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không nhỏ hơn 40%;

- Diện tích giao thông nội bộ: không nhỏ hơn 20%.

**Điều 8. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2**

Các trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 bảo đảm quy định tại Điều 7 và các quy định sau:

1. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và phục vụ giáo dục trẻ

a) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

- Có hiên chơi phía trước và sau;

- Kho nhóm, lớp: Để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập;

- Phòng giáo viên: liền kề với khu sinh hoạt chung và ngủ;

b) Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: đối với trường có quy mô đến 14 nhóm, lớp, có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng đa chức năng; đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 02 phòng giáo dục thể chất và bảo đảm bố trí riêng cho từng nhóm độ tuổi;

c) Phòng máy tính: có tối thiểu 01 phòng với thiết bị công nghệ thông tin phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, học tập của trẻ.

2. Các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp III trở lên.

**Chương III**

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC**

**Điều 9. Địa điểm, quy mô, diện tích**

1. Yêu cầu vị trí đặt trường, điểm trường:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương;

b) Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên;

c) Có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.

2. Quy mô

a) Trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 40 lớp;

b) Căn cứ điều kiện các địa phương, có thể bố trí các điểm trường ở những địa bàn khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Bố trí không quá 5 điểm trường.

3. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền với bình quân tối thiểu 10m2 cho một học sinh đối với khu vực đồng bằng, trung du; 6m2 cho một học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã và miền núi. Đối với trường có tổ chức nội trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú bảo đảm 6m2 cho một học sinh nội trú.

4. Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình:

a) Khối phòng hành chính quản trị được thực hiện theo các quy định hiện hành;

b) Các khối: phòng học tập; phòng hỗ trợ học tập; phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; phục vụ sinh hoạt được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

5. Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 03 tầng; bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.

**Điều 10. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu**

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

b) Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

đ) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; bảo đảm số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01;

e) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học;

b) Phòng giáo dục nghệ thuật: có tối thiểu 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

c) Phòng học Khoa học - Công nghệ: có tối thiểu 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

d) Phòng học tin học: có tối thiểu 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

đ) Phòng học ngoại ngữ: có tối thiểu 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

a) Thư viện: mỗi trường có một thư viện, mỗi điểm trường có tủ sách dùng chung; thư viện bao gồm kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), phòng đọc sách cho giáo viên và phòng đọc sách cho học sinh;

b) Phòng thiết bị giáo dục: có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

c) Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập và tư vấn học sinh: bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1;

d) Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị;

đ) Phòng hoạt động Đội: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;

b) Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

c) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

d) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;

đ) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; bảo đảm số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh;

e) Cổng, hàng rào: khuôn viên của tr­ường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tư­ờng xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng tr­ường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

b) Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh; ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

a) Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;

b) Kho thực phẩm (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;

c) Nhà ăn (đối với trường có tổ chức bán trú, nội trú): trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho học sinh;

d) Phòng ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu cho nam, nữ riêng biệt; trang bị đầy đủ các thiết bị;

đ) Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí cho giáo viên quản lý học sinh nội trú.

7. Hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; ở cuối hướng gió, có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.

8. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này được xây dựng kiên cố, bán kiên cố hoặc tạm thời. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 50%; công trình bán kiên cố không dưới 40% và công trình tạm không quá 10%.

9. Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 11. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1**

Các trường tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 bảo đảm các quy định tại Điều 10 và các quy định sau:

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

b) Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

2. Khối phòng học tập

a) Phòng giáo dục nghệ thuật: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 02 phòng, trong đó 01 phòng học mỹ thuật, 01 phòng học âm nhạc;

b) Phòng học tin học: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 02 phòng;

c) Phòng học ngoại ngữ: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 02 phòng.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Thư viện: có phòng đọc cho học sinh tối thiểu 35 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 20 chỗ.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

b) Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao có khu vực tập thể dục thể thao có mái che.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

- Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú): bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị.

7. Tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%; bán kiên cố không quá 30% và không có công trình tạm.

8. Mỗi điểm trường (nếu có) không ít hơn 02 lớp.

9. Mật độ sử dụng đất:

- Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;

- Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không nhỏ hơn 40%;

- Diện tích giao thông nội bộ: không nhỏ hơn 20%.

**Điều 12. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2**

Các trường tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 bảo đảm các quy định tại Điều 11 và các quy định sau:

1. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Phòng truyền thống và Phòng hoạt động Đội bố trí riêng biệt.

2. Khối phụ trợ

- Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

3. Khu sân chơi, thể dục thể thao

a) Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

b) Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường;

c) Bể bơi.

4. Khối phục vụ sinh hoạt

- Nhà ăn: bảo đảm có nhà ăn phục vụ cho học sinh, giáo viên và nhân viên của trường.

5. Các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp III trở lên.

**Chương IV**

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**Điều 13. Địa điểm, quy mô, diện tích**

1. Yêu cầu vị trí đặt trường, điểm trường:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương;

b) Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên;

c) Có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.

2. Quy mô

a) Trường trung học cơ sở có quy mô tối thiểu 12 lớp và tối đa 45 lớp;

b) Căn cứ điều kiện các địa phương, có thể bố trí các điểm trường ở những địa bàn khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Bố trí không quá 02 điểm trường, mỗi điểm trường không ít hơn 03 lớp.

3. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền với bình quân tối thiểu 10m2 cho một học sinh đối với khu vực đồng bằng, trung du; 6m2 cho một học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã và miền núi. Đối với trường có tổ chức nội trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú bảo đảm 6m2 cho một học sinh nội trú.

4. Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình:

a) Khối phòng hành chính quản trị được thực hiện theo các quy định hiện hành;

b) Các khối: phòng học tập; phòng hỗ trợ học tập; phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; phục vụ sinh hoạt được quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

5. Các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 04 tầng; bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.

**Điều 14. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu**

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

b) Phòng Phó Hiệu trưởng: với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

d) Phòng bảo vệ:bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

đ) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; bảo đảm số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01;

e) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;

b) Phòng học bộ môn tin học: có tối thiểu 01 phòng;

c) Phòng học bộ môn công nghệ: có tối thiểu 01 phòng;

d) Phòng học bộ môn khoa học tự nhiên: có tối thiểu 02 phòng;

đ) Phòng giáo dục nghệ thuật: có tối thiểu 01 phòng;

e) Phòng học ngoại ngữ: có tối thiểu 01 phòng.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

a) Thư viện: bảo đảm có 01 thư viện; thư viện bao gồm kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), phòng đọc sách cho giáo viên và phòng đọc sách cho học sinh;

b) Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập và tư vấn học sinh: bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1;

c) Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị;

d) Phòng hoạt động Đoàn, Đội: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

b) Phòng các tổ chuyên môn: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng chung cho các bộ môn;

c) Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng;có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

d) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

đ) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;

e) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; bảo đảm số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh;

g) Cổng, hàng rào: khuôn viên của tr­ường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tư­ờng xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng tr­ường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

b) Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh; ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

a) Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): độc lập với khối phòng học và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;

b) Kho thực phẩm (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập,xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;

c) Nhà ăn (đối với trường có tổ chức bán trú, nội trú): bảo đảm phục vụ cho học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị;

d) Phòng ở nội trú học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu cho nam, nữ riêng biệt; trang bị đầy đủ các thiết bị;

đ) Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí cho giáo viên quản lý học sinh nội trú;

e) Phòng sinh hoạt chung (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị.

7. Hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường;

c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; ở cuối hướng gió, có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

8. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này được xây dựng kiên cố, bán kiên cố hoặc tạm thời. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 50%; công trình bán kiên cố không dưới 40% và công trình tạm không quá 10%.

9. Thiết bị dạy học

a) Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Các phòng học bộ môn, phòng học đa chức năng được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió và các thiết bị hỗ trợ khác theo tính chất đặc thù của từng loại phòng.

**Điều 15. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1**

Các trường trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 bảo đảm các quy định tại Điều 14 và các quy định sau:

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

b) Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

2. Khối phòng học tập

a) Phòng học bộ môn khoa học tự nhiên: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp, có tối thiểu 03 phòng;

b) Phòng giáo dục nghệ thuật: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 02 phòng; các phòng học mỹ thuật và âm nhạc được bố trí riêng;

c) Phòng học ngoại ngữ: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 02 phòng.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Thư viện: có phòng đọc cho học sinh tối thiểu 45 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 20 chỗ.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng các tổ chuyên môn: có tối thiểu 02 phòng;

b) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

c) Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.

5. Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao

- Có khu vực tập thể dục thể thao có mái che.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

- Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú): phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ; trang bị đầy đủ các thiết bị.

7. Tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%; bán kiên cố không quá 30% và không có công trình tạm.

8. Mật độ sử dụng đất:

- Diện tích xây dựng công trình: không quá 45%;

- Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không nhỏ hơn 30%;

- Diện tích giao thông nội bộ: không nhỏ hơn 25%.

**Điều 16. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2**

Các trường trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 bảo đảm các quy định tại Điều 15 và các quy định sau:

1. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Phòng truyền thống và Phòng hoạt động Đoàn, Đội bố trí riêng biệt.

2. Khối phụ trợ

- Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định.

3. Khu sân chơi, thể dục thể thao

a) Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

b) Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường;

c) Bể bơi.

4. Các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp III trở lên.

**Chương V**

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**Điều 17. Địa điểm, quy mô, diện tích**

1. Yêu cầu vị trí đặt trường, điểm trường:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương;

b) Môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên;

c) Có kết nối giao thông thuận lợi cho học sinh đi học; đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy, nổ.

2. Trường trung học phổ thông có quy mô tối thiểu 15 lớp và tối đa 45 lớp.

3. Diện tích khu đất xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền với bình quân tối thiểu 10m2 cho một học sinh đối với khu vực đồng bằng, trung du; 6m2 cho một học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã và miền núi. Đối với trường có tổ chức nội trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú bảo đảm 6m2 cho một học sinh nội trú.

4. Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình:

a) Khối phòng hành chính quản trị được thực hiện theo các quy định hiện hành;

b) Các khối: phòng học tập; phòng hỗ trợ học tập; phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; phục vụ sinh hoạt được quy định chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

5. Các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 04 tầng; bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.

**Điều 18. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu**

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

b) Phòng Phó Hiệu trưởng: với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

đ) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; bảo đảm số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01;

e) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

2. Khối phòng phục vụ học tập

a) Phòng học: bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;

b) Phòng học bộ môn tin học: có tối thiểu 01 phòng;

c) Phòng học bộ môn công nghệ: có tối thiểu 01 phòng;

d) Phòng học bộ môn nghệ thuật: có tối thiểu 01 phòng;

đ) Phòng học bộ môn Vật lý: có tối thiểu 01 phòng;

e) Phòng học bộ môn Hóa học: có tối thiểu 01 phòng;

g) Phòng học bộ môn Sinh học: có tối thiểu 01 phòng;

h) Phòng học ngoại ngữ: có tối thiểu 01 phòng.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

a) Thư viện: bảo đảm có 01 thư viện; thư viện bao gồm kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của thủ thư), phòng đọc sách cho giáo viên và phòng đọc sách cho học sinh;

b) Phòng tư vấn học sinh: bảo đảm có 01 phòng;

c) Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ thiết bị;

d) Phòng hoạt động Đoàn: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

b) Phòng các tổ chuyên môn: bảo đảm có 01 phòng; sử dụng chung cho các bộ môn, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

c) Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

d) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;

đ) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;

e) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; bảo đảm số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh;

g) Cổng, hàng rào: khuôn viên của tr­ường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tư­ờng xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng tr­ường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao.

a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

b) Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh; ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

a) Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): độc lập với khối phòng học và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;

b) Kho thực phẩm (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập,xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;

c) Nhà ăn (đối với trường có tổ chức bán trú, nội trú): bảo đảm phục vụ cho học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị;

d) Phòng ở nội trú học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu cho nam, nữ riêng biệt; trang bị đầy đủ các thiết bị;

đ) Phòng quản lý học sinh (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí cho giáo viên quản lý học sinh nội trú.

e) Phòng sinh hoạt chung (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị.

7. Hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; ở cuối hướng gió, có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

8. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này được xây dựng kiên cố, bán kiên cố hoặc tạm thời. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 60%; công trình bán kiên cố không dưới 30% và công trình tạm không quá 10%.

9. Thiết bị dạy học

a) Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Các phòng học bộ môn, phòng học đa chức năng được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió và các thiết bị hỗ trợ khác theo tính chất đặc thù của từng loại phòng.

**Điều 19. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1**

Các trường trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 bảo đảm các quy định tại Điều 18 và các quy định sau:

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

b) Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

c) Khu vệ sinh giáo viên: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.

2. Khối phòng học tập

a) Các phòng học bộ môn: đối với trường có quy mô từ 30 lớp trở lên, mỗi bộ môn có tối thiểu 02 phòng, các phòng học mỹ thuật và âm nhạc được bố trí riêng;

b) Phòng học bộ môn khoa học xã hội: có tối thiểu 01 phòng, trang bị đầy đủ thiết bị theo quy định;

c) Phòng học ngoại ngữ: đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp có tối thiểu 02 phòng.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Thư viện: có phòng đọc cho học sinh tối thiểu 45 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 20 chỗ.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng các tổ chuyên môn: có tối thiểu 02 phòng;

b) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

c) Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.

5. Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao

- Có khu vực tập thể dục thể thao có mái che.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

- Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú): phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ; trang bị đầy đủ các thiết bị.

7. Tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 80%; bán kiên cố không quá 20% và không có công trình tạm.

8. Mật độ sử dụng đất:

- Diện tích xây dựng công trình: không quá 45%;

- Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không nhỏ hơn 30%;

- Diện tích giao thông nội bộ: không nhỏ hơn 25%.

**Điều 20. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2**

Các trường trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 bảo đảm các quy định tại Điều 19 và các quy định sau:

1. Khối phòng học tập

- Phòng học bộ môn khoa học xã hội: có tối thiểu 02 phòng.

2. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Phòng truyền thống và Phòng hoạt động Đoàn, Đội bố trí riêng biệt.

3. Khối phụ trợ

- Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định.

4. Khu sân chơi, thể dục thể thao

a) Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn;

b) Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường;

c) Bể bơi.

5. Các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp III trở lên.

**Chương VI**

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

**CÓ NHIỀU CẤP HỌC**

**Điều 21. Địa điểm, diện tích đất, quy mô**

Áp dụng theo các quy định của cấp học cao nhất và các quy định sau:

1. Quy mô

a) Trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô tối thiểu 09 lớp và tối đa 35 lớp;

b) Căn cứ điều kiện các địa phương, có thể bố trí các điểm trường ở những địa bàn khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Bố trí không quá 5 điểm trường.

2. Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình:

Các khối: phòng học tập; phòng hỗ trợ học tập; phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; phục vụ sinh hoạt áp dụng theo quy định của từng cấp học.

3. Chiều cao các hạng mục công trình trực tiếp phục vụ hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định cho từng cấp học tại Thông tư này.

**Điều 22. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu**

Áp dụng theo các quy định điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu của cấp học cao nhất tại Thông tư này và các quy định sau:

1. Khối phòng học tập: Áp dụng theo quy định điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu của từng cấp học và được bố trí phân khu riêng biệt cho từng cấp học.

2. Khối phụ trợ

- Khu vệ sinh học sinh: Áp dụng theo quy định điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu của từng cấp học và bố trí phân khu riêng biệt cho từng cấp học.

3. Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao: Bố trí dụng cụ, thiết bị vận động phù hợp cho từng cấp học.

4. Các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố, bán kiên cố hoặc tạm thời. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 50%; công trình bán kiên cố không dưới 40% và công trình tạm không quá 10%.

5. Thiết bị dạy học được trang bị cho từng cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 23. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1**

Các trường phổ thông có nhiều cấp học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 bảo đảm đồng thời: đạt tiêu chuẩn mức độ 1 của cấp học cao nhất, bảo đảm các quy định tại Điều 22 Thông tư này và các quy định sau:

1. Khối phòng học tập: Áp dụng theo quy định đạt tiêu chuẩn mức độ 1 của từng cấp học và được bố trí phân khu riêng biệt cho từng cấp học.

2. Tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%; bán kiên cố không quá 30% và không có công trình tạm.

**Điều 24. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2**

Các trường phổ thông có nhiều cấp học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 bảo đảm đồng thời: đạt tiêu chuẩn mức độ 2 của cấp học cao nhất, bảo đảm các quy định tại Điều 23 Thông tư này và các quy định sau:

1. Khối phòng học tập: Áp dụng theo quy định đạt tiêu chuẩn mức độ 2 của từng cấp học và được bố trí phân khu riêng biệt cho từng cấp học.

2. Các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp III trở lên.

**Chương VII**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 25. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các cơ sở giáo dục đã được chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn cơ sở vật chất trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục theo cấp độ, mức độ đã được công nhận; khi thực hiện công nhận lại hoặc công nhận cấp độ, mức độ cao hơn thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vị quản lý theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này thì tiếp tục thực hiện.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình sự nghiệp của các cơ sở giáo dục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không xác định lại tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 26. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường học; lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng trường đạt chuẩn; lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất cho các trường thuộc phạm vi quản lý.

2. Hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết về công tác đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Căn cứ quy định tại Thông tư này xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho các cơ sở giáo dục, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được công khai trên cổng thông tin điện tử của các sở giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |